

Số: 27 /2020/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 122/TTr-SGTVT ngày 28 tháng 8 năm 2020.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông Vận tải; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức và các cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Báo Ninh Bình;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, các VP.

vnh_vpt_145.QĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình
Email: UBND@ninhbinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Ninh Bình

Nguyễn Ngọc Thạch

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10
năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định công tác lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình (sau đây viết tắt là kế hoạch bảo trì công trình đường bộ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Giao thông Vận tải được giao quản lý hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác theo quyết định của UBND tỉnh.

2. UBND các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) được giao quản lý hệ thống đường huyện, đường đô thị trên địa bàn huyện, thành phố quản lý (trừ các tuyến đường do Sở Giao thông Vận tải trực tiếp quản lý).

3. UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) được giao quản lý hệ thống đường xã, đường đô thị, đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã, phường, thị trấn quản lý (trừ các tuyến đường do Sở Giao thông Vận tải và UBND cấp huyện trực tiếp quản lý).

4. Chủ sở hữu công trình đường chuyên dùng.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

Chương II

LẬP, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 3. Lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. Hằng năm, căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, các thông tin về quy mô và kết cấu công trình, lịch sử sửa chữa bảo trì, các dữ liệu khác về tuyến đường, công trình đường bộ, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình bảo trì, định mức kinh tế - kỹ thuật, công việc và danh mục tuyến đường, cơ quan được giao quản lý, bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ.

a) Sở Giao thông Vận tải lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, các tuyến đường khác do Sở Giao thông Vận tải quản lý và tổng hợp danh mục, hạng mục công trình đường bộ do UBND cấp huyện đề xuất hỗ trợ kinh phí bảo trì vào kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường huyện, đường đô thị trên địa bàn cấp huyện quản lý và tổng hợp danh mục, hạng mục công trình đường bộ do UBND cấp xã đề xuất hỗ trợ kinh phí bảo trì vào kế hoạch; tham mưu cho UBND cấp huyện lập danh mục, hạng mục công trình đề xuất hỗ trợ kinh phí bảo trì từ nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ của tỉnh gửi Sở Giao thông Vận tải trước 30 tháng 4 hằng năm.

c) Bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường xã, đường đô thị, đường giao thông nông thôn trên địa bàn cấp xã quản lý; tham mưu cho UBND cấp xã lập danh mục, hạng mục công trình đường bộ đề xuất hỗ trợ kinh phí bảo trì từ nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ của tỉnh gửi UBND cấp huyện tổng hợp; tham mưu cho UBND cấp xã trình UBND cấp huyện phê duyệt danh mục, hạng mục công trình đường bộ đề xuất hỗ trợ kinh phí bảo trì từ nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ của cấp huyện.

2. Các công việc trong kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ (sau đây gọi là Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT), trong đó:

a) Bảo dưỡng thường xuyên:

Căn cứ thời điểm đưa công trình vào khai thác sử dụng, thực tế khai thác công trình và các quy định hiện hành về bảo dưỡng thường xuyên theo tiêu chí, thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên nhằm phòng ngừa và khắc phục kịp thời những hư hỏng nhỏ của các bộ phận kết cấu công trình, thiết bị để nâng cao chất lượng công trình đưa vào khai thác, đề phòng xảy ra những hư hỏng, sự cố tiếp theo và đảm bảo tuổi thọ công trình.

Căn cứ tiêu chí thực hiện trên cơ sở định mức bảo dưỡng thường xuyên, tình trạng kỹ thuật của các tuyến đường cụ thể để xác định đơn giá bảo dưỡng thường xuyên (tính trên 1km đường, mét dài cầu) và hình thức bảo trì đường bộ cụ thể phù hợp với nguồn vốn dự kiến được cấp.

b) Sửa chữa định kỳ bao gồm:

Danh mục công trình, hạng mục công trình chuyển tiếp là công trình, hạng mục công trình sửa chữa định kỳ đã hoàn thành thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật nhưng chưa bố trí đủ vốn;

Danh mục công trình, hạng mục công trình đề xuất làm mới.

c) Sửa chữa đột xuất là công trình, hạng mục công trình được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện để khắc phục xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông và các hư hỏng do chịu tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy hoặc khi xuất hiện công trình xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

3. Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ phải có các thông tin: Danh mục, hạng mục công trình; khối lượng chủ yếu, kinh phí thực hiện; quy mô và giải pháp kỹ thuật sửa chữa, bảo trì; thời gian, phương thức thực hiện và mức độ ưu tiên.

Kế hoạch công tác bảo dưỡng thường xuyên được xây dựng cho khối lượng công việc thường xuyên trong 3 năm. Trên cơ sở kế hoạch bảo trì được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Giao thông Vận tải tổng hợp gửi Sở Tài chính để tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí quản lý bảo trì đường bộ đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên ổn định 3 năm.

Kế hoạch công tác sửa chữa định kỳ được xây dựng trên cơ sở định mức, quy trình bảo trì và thực tế hư hỏng của từng tuyến, đoạn tuyến đường bộ thời gian thực hiện công trình, hạng mục công trình từ 01 đến 02 năm.

Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ được lập theo Biểu mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.

Điều 4. Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hằng năm đối với đường tỉnh, các tuyến đường khác do Sở Giao thông Vận tải quản lý và danh mục các công trình, hạng mục công trình đường bộ do UBND cấp huyện đề xuất hỗ trợ kinh phí từ nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ của tỉnh.

2. UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hằng năm đối với đường huyện, đường đô thị do UBND cấp huyện quản lý và danh mục các công trình, hạng mục công trình đường bộ do UBND cấp xã quản lý đề xuất hỗ trợ kinh phí từ nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ của cấp huyện.

3. UBND cấp xã phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hằng năm đối với đường xã, đường đô thị, đường giao thông nông thôn trên địa bàn quản lý.

4. Trên cơ sở đề xuất kế hoạch bảo trì công trình đường bộ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định này Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và UBND cấp huyện (khi cần thiết) để tiến hành kiểm tra thực tế hiện trường công trình đường bộ, trao đổi, thống nhất xác định mức độ hư hỏng và đề xuất quy mô, giải pháp sửa chữa; dự kiến kinh phí; thời gian thực hiện; hình thức bảo trì; phương thức thực hiện. Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế hiện trường, Sở Giao thông Vận tải tổng hợp ý kiến, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trước ngày 30/5 hằng năm để thực hiện cho năm tiếp theo.

Điều 5. Lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với đường chuyên dùng

Chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng lập và phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý. Khuyến khích áp dụng các quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Quy định này khi lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ chuyên dùng.

Chương III

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

Điều 6. Lập dự án bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. Sở Giao thông Vận tải thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, thẩm định và trình phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án theo kế hoạch bảo trì công trình đường bộ được UBND tỉnh phê duyệt trên hệ thống đường tỉnh, các tuyến đường khác do Sở Giao thông Vận tải quản lý theo quy định của pháp luật về xây dựng và phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh, hoàn thành trước ngày 31/10 của năm trước năm kế hoạch để làm cơ sở giao kế hoạch nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ địa phương.

2. UBND cấp huyện, UBND cấp xã chỉ đạo việc tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án theo kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do UBND cấp huyện, UBND cấp xã phê duyệt và đối với danh mục công trình, hạng mục công trình đường bộ nằm trong kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do UBND tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt hỗ trợ kinh phí trên hệ thống đường huyện, đường đô thị, đường xã, đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn cấp huyện, cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật về xây dựng và phân cấp của UBND tỉnh, UBND cấp huyện hoàn thành trước ngày 31/10 của năm trước năm kế hoạch để làm cơ sở giao kế hoạch nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ địa phương.

3. Sau khi được giao nguồn vốn quản lý, bảo trì đường bộ cho các công trình, hạng mục công trình cụ thể, Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã triển khai thực hiện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các bước tiếp theo để triển khai thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Kinh phí thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. Căn cứ quyết định phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hằng năm, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án và thời gian thực hiện, thứ tự ưu tiên của từng công trình, hạng mục công trình, cơ quan được giao quản lý, bảo trì công trình đường bộ tổng hợp gửi cơ quan tài chính tham mưu cho UBND trình HĐND cùng cấp giao nguồn kinh phí bảo trì công trình đường bộ trong dự toán ngân sách hằng năm (Sở Tài chính đối với công trình đường bộ trong kế hoạch bảo trì do UBND tỉnh phê duyệt; Phòng Tài chính đối với công trình đường bộ trong kế hoạch bảo trì do UBND cấp huyện phê duyệt; bộ phận chuyên môn thuộc UBND cấp xã đối với công trình đường bộ trong kế hoạch bảo trì do UBND cấp xã phê duyệt).

2. Tổng kinh phí thực hiện đối với công trình, hạng mục công trình thực hiện trong một năm không vượt quá kinh phí được giao hằng năm quy định tại khoản 1 Điều này. Tổng kinh phí thực hiện trong kế hoạch phù hợp với thời gian thực hiện của các công trình, hạng mục công trình đề xuất.

3. Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã chịu trách nhiệm về việc thanh toán, quyết toán chi phí thực hiện bảo trì công trình đường bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định phê duyệt, tổ chức thực hiện và báo cáo UBND tỉnh đối với công trình sửa chữa đột xuất cấp bách hoặc điều chỉnh cục bộ trong danh mục, hạng mục công trình đã được UBND tỉnh phê duyệt, nhưng không tăng vốn đã ghi trong kế hoạch.

2. Đối với các công trình sửa chữa cần bổ sung kế hoạch theo đề nghị của UBND cấp huyện, Sở Giao thông vận tải, ý kiến phản ánh, kiến nghị của cử tri và chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh. Sở Giao thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, rà soát, kiểm tra hiện trường để xác định mức độ hư hỏng, đề xuất quy mô và giải pháp sửa chữa trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập dự án sửa chữa và bổ sung vào kế hoạch bảo trì đường bộ.

3. UBND cấp huyện, UBND cấp xã điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do UBND cấp huyện, UBND cấp xã phê duyệt.

Điều 9. Tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ chuyên dùng

1. Đối với công trình đường bộ chuyên dùng, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do mình đầu tư và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

2. Nguồn kinh phí bảo trì công trình đường bộ chuyên dùng do chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng chịu trách nhiệm.

Điều 10. Quản lý, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng có trách nhiệm tổ chức quản lý, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

2. Giao Sở Giao thông Vận tải kiểm tra, tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn toàn tỉnh gửi về UBND tỉnh. Báo cáo định kỳ hằng quý trước ngày 22 của tháng cuối cùng của quý, hằng năm trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

3. Cơ quan chuyên môn của UBND cấp huyện có trách nhiệm tham mưu cho UBND cấp huyện báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn (bao gồm kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do UBND cấp huyện, UBND cấp xã và chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng phê duyệt) gửi về Sở Giao thông Vận tải. Báo cáo định kỳ hằng quý trước ngày 15 của tháng cuối cùng của quý, hằng năm trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo.

4. Báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ được lập theo mẫu ban hành kèm theo Quyết định ban hành Quy định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ, Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan phải tuân thủ quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện Quy định này.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo kịp thời về UBND tỉnh để được xem xét, hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung Quy định cho phù hợp. Giao Sở Giao thông Vận tải là đầu mối tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Thạch

